

QUỐC HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nghị quyết số: 32/2012/QH13

NGHỊ QUYẾT
Về dự toán ngân sách nhà nước năm 2013

QUỐC HỘI
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 51/2001/QH10;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 01/2002/QH11;

Sau khi xem xét Báo cáo số 285/BC-CP ngày 19 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ về dự toán ngân sách nhà nước năm 2013; Báo cáo thẩm tra số 906/BC-UBTCNS13 ngày 20 tháng 10 năm 2012 của Ủy ban Tài chính - Ngân sách của Quốc hội; Báo cáo tiếp thu, giải trình số 267/BC-UBTVQH13 ngày 08 tháng 11 năm 2012 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về dự toán ngân sách nhà nước năm 2013 và ý kiến của các vị đại biểu Quốc hội,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua dự toán ngân sách nhà nước năm 2013

Tổng số thu cân đối ngân sách nhà nước là **816.000 tỷ đồng** (tám trăm mười sáu nghìn tỷ đồng);

Tổng số chi cân đối ngân sách nhà nước là **978.000 tỷ đồng** (chín trăm bảy mươi tám nghìn tỷ đồng);

Mức bội chi ngân sách nhà nước là **162.000 tỷ đồng** (một trăm sáu mươi hai nghìn tỷ đồng), tương đương **4,8%** tổng sản phẩm trong nước (GDP).

(Kèm theo các Phụ lục số 1, 2, 3, 4 và 5).

Điều 2. Giao Chính phủ

1. Thực hiện chính sách tài khóa chặt chẽ, thận trọng, cơ cấu lại các khoản thu, chi, phối hợp đồng bộ với chính sách tiền tệ để kiềm chế lạm phát, duy trì ổn định kinh tế vĩ mô; tạo điều kiện huy động, khai thác tích cực các nguồn lực trong và ngoài nước cho đầu tư phát triển; phục hồi, mở rộng sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

2. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật về thuế, phí, lệ phí theo hướng giảm dần nghĩa vụ đóng góp của doanh nghiệp và người dân, thúc đẩy quá trình tái cấu trúc nền kinh tế; đồng thời bảo đảm nguồn thu trên cơ sở tăng trưởng kinh tế và thu nhập của các tầng lớp dân cư, tránh giảm thu lớn do điều chỉnh chính sách thu, nhất là khi chưa có phương án bù đắp.

3. Kịp thời sửa đổi, hoàn thiện chính sách, chế độ, định mức không phù hợp với thực tế, góp phần tăng cường hiệu lực quản lý, bảo đảm chỉ tiêu công hiệu quả, tiết kiệm, công khai, minh bạch.

4. Quản lý chặt chẽ các khoản chi, bảo đảm theo đúng dự toán đã được phê duyệt; chống thất thoát, lãng phí, tham nhũng. Triệt để tiết kiệm chi thường xuyên, nhất là các khoản chi tổ chức lễ hội, hội nghị, hội thảo, mua xe công, chi phí công tác trong nước và nước ngoài; ưu tiên cho nhiệm vụ chính trị quan trọng, bảo đảm nguồn lực thực hiện chính sách an sinh xã hội. Tăng cường quản lý chi đầu tư xây dựng cơ bản, vốn trái phiếu chính phủ, Chương trình mục tiêu quốc gia. Tập trung vốn cho trả nợ xây dựng cơ bản hoàn thành và các dự án, công trình có khả năng hoàn thành trong năm 2013. Hạn chế khởi công mới các dự án, công trình, bảo đảm thực hiện đúng Chỉ thị số 1792/CT-TTg ngày 15/10/2011 của Thủ tướng Chính phủ. Rà soát, quản lý chặt chẽ các khoản chi chuyển nguồn, chỉ cho phép chuyển nguồn đối với một số khoản chi thật sự cần thiết theo đúng quy định của pháp luật.

5. Điều chỉnh mức tiền lương tối thiểu từ 1,05 triệu đồng/tháng lên 1,15 triệu đồng/tháng, điều chỉnh lương hưu và trợ cấp ưu đãi người có công tăng bằng tỷ lệ tăng lương tối thiểu từ ngày 01/7/2013.

6. Trên cơ sở tổng mức vốn trái phiếu chính phủ được quy định tại Nghị quyết số 12/2011/QH13 của Quốc hội là 225.000 tỷ đồng trong giai đoạn 2011-2015, căn cứ vào khả năng và hiệu quả sử dụng vốn, phát hành không quá 60.000 tỷ đồng vốn trái phiếu chính phủ trong năm 2013, đồng thời, thu hồi vốn trái phiếu chính phủ đã ứng trước của năm 2013. Căn cứ Nghị quyết số 473/NQ-UBTVQH13 ngày 27/3/2012 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về kế hoạch phân bổ vốn trái phiếu chính phủ giai đoạn 2011 - 2015, Chính phủ phân bổ cụ thể đối với từng dự án, công trình trong Danh mục đã được quyết định, tập trung cho các dự án, công trình quan trọng, có khả năng hoàn thành trong năm 2013, khẩn trương thực hiện giao vốn trước ngày 31/12/2012.

7. Rà soát lại hiệu quả sử dụng vốn của các chương trình mục tiêu quốc gia, bố trí hợp lý tỷ trọng vốn giữa chi sự nghiệp và chi đầu tư phát triển, ưu tiên cho các chương trình phát triển nông nghiệp, nông thôn, nông dân. Chỉ đạo sơ kết 3 năm (2011-2013) thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, báo cáo Quốc hội xem xét, quyết định tại kỳ họp thứ sáu, Quốc hội khóa XIII. Bộ trưởng, thủ trưởng

cơ quan ngang bộ quản lý và sử dụng vốn Chương trình mục tiêu quốc gia chịu trách nhiệm trước Chính phủ, Quốc hội; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ về việc phân bổ, sử dụng hiệu quả vốn Chương trình mục tiêu quốc gia.

8. Tích cực thu hồi các khoản tạm ứng vốn đầu tư xây dựng cơ bản, chỉ ứng trước vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ nguồn ngân sách nhà nước và vốn trái phiếu chính phủ khi thực sự cấp bách. Tăng cường quản lý, giám sát chặt chẽ và cơ cấu lại nợ công, nợ Chính phủ, nợ nước ngoài của quốc gia trong giới hạn an toàn; kiểm soát chặt chẽ các khoản vay về cho vay lại và bảo lãnh của Chính phủ.

Điều 3. Giám sát việc thực hiện dự toán ngân sách nhà nước

Ủy ban thường vụ Quốc hội, Ủy ban Tài chính - Ngân sách, Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban khác của Quốc hội, các Đoàn đại biểu Quốc hội, các đại biểu Quốc hội giám sát hiệu quả việc thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2013 trên các lĩnh vực, địa bàn thuộc phạm vi trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ tư thông qua ngày 10 tháng 11 năm 2012./.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Nguyễn Sinh Hùng

Phụ lục số 1
CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2013

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2013
<u>A- TỔNG THU CÂN ĐỐI NSNN</u>		<u>816.000</u>
1	Thu nội địa	545.500
2	Thu từ dầu thô	99.000
3	Thu cân đối từ hoạt động xuất nhập khẩu	166.500
4	Thu viện trợ	5.000
<u>B- TỔNG CHI CÂN ĐỐI NSNN</u>		<u>978.000</u>
1	Chi đầu tư phát triển	175.000
2	Chi trả nợ và viện trợ	105.000
3	Chi phát triển sự nghiệp kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, quản lý hành chính	658.900
4	Chi thực hiện cải cách tiền lương	(1) 15.600
5	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	100
6	Dự phòng	23.400
<u>D- BỘI CHI NSNN</u>		<u>162.000</u>
1	Mức bội chi ngân sách theo quy định của Luật NSNN hiện hành (%GDP)	4,8
2	Mức bội chi ngân sách bao gồm TPCP; không bao gồm chi trả nợ gốc (%GDP)	4,3

Ghi chú: (1) Nhu cầu kinh phí cải cách tiền lương theo mức lương tối thiểu 1,15 triệu đồng/tháng, lương hưu và trợ cấp ưu đãi người có công tăng bằng tốc độ tăng lương tối thiểu là 21.700 tỷ đồng; NSTW bố trí 15.600 tỷ đồng; số còn lại 6.100 tỷ đồng lấy từ nguồn 50% dự toán tăng thu NSDP năm 2013, tiết kiệm 10% chi thường xuyên (đã có trong dự toán chi thường xuyên của NSDP) và nguồn tăng thu NSDP các năm từ 2012 trở về trước.

Phụ lục số 2
CÂN ĐỐI NGUỒN THU, CHI DỰ TOÁN NSTW VÀ NSDP NĂM 2013

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2013
A	NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	
<u>I</u>	<u>Nguồn thu ngân sách Trung ương</u>	<u>519.836</u>
1	Thu thuế, phí và các khoản thu khác	514.836
2	Thu từ nguồn viện trợ không hoàn lại	5.000
<u>II</u>	<u>Chi ngân sách Trung ương</u>	<u>681.836</u>
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách Trung ương theo phân cấp	488.241
2	Bổ sung cho ngân sách địa phương	193.595
	- <i>Bổ sung cân đối</i>	131.511
	- <i>Bổ sung có mục tiêu</i>	62.084
<u>III</u>	<u>Vay bù đắp bội chi NSNN</u>	<u>162.000</u>
B	NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	
<u>I</u>	<u>Nguồn thu ngân sách địa phương</u>	<u>489.759</u>
1	Thu ngân sách địa phương hưởng theo phân cấp	296.164
2	Thu bổ sung từ ngân sách Trung ương	193.595
	- <i>Bổ sung cân đối</i>	131.511
	- <i>Bổ sung có mục tiêu</i>	62.084
<u>II</u>	<u>Chi ngân sách địa phương</u>	<u>489.759</u>
1	Chi cân đối NSDP	427.675
2	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu	62.084

Phụ lục số 3
DỰ TOÁN THU NSNN THEO LĨNH VỰC NĂM 2013

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Nội dung thu	Dự toán năm 2013
	<u>TỔNG THU CÂN ĐỐI NSNN</u>	<u>816.000</u>
I	Thu nội địa	545.500
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước	174.236
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	107.339
3	Thu từ khu vực công thương nghiệp - ngoài quốc doanh	120.248
4	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	28
5	Thuế thu nhập cá nhân	54.861
6	Lệ phí trước bạ	13.442
7	Thuế bảo vệ môi trường	14.295
8	Các loại phí, lệ phí	10.378
9	Các khoản thu về nhà, đất	45.707
<i>a</i>	<i>Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp</i>	<i>1.257</i>
<i>b</i>	<i>Thu tiền thuê đất, thuê mặt nước</i>	<i>4.681</i>
<i>c</i>	<i>Thu tiền sử dụng đất</i>	<i>39.000</i>
<i>d</i>	<i>Thu bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước</i>	<i>769</i>
10	Thu khác ngân sách	3.977
11	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản tại xã	989
II	Thu từ dầu thô	99.000
III	Thu cân đối từ hoạt động xuất nhập khẩu	166.500
1	Tổng số thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	237.500
<i>a</i>	<i>Thuế xuất khẩu, nhập khẩu, tiêu thụ đặc biệt, bảo vệ môi trường hàng nhập khẩu</i>	<i>81.022</i>
<i>b</i>	<i>Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu (tổng số thu)</i>	<i>156.478</i>
2	Hoàn thuế giá trị gia tăng	-71.000
IV	Thu viện trợ	5.000

Phụ lục số 4
DỰ TOÁN CHI NSNN, CHI NSTW VÀ CHI NSDP
THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2013

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra	
			NSTW	NSDP
A	<u>TỔNG CHI CÂN TỐI NSNN</u>	<u>978.000</u>	⁽¹⁾ <u>550.325</u>	⁽²⁾ <u>427.675</u>
I	Chi đầu tư phát triển	175.000	81.900	93.100
	<i>Trong đó:</i>			
1	Chi giáo dục - đào tạo, dạy nghề	30.015	11.315	18.700
2	Chi khoa học, công nghệ	6.136	2.836	3.300
II	Chi trả nợ và viện trợ	105.000	105.000	
III	Chi phát triển sự nghiệp kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, quản lý hành chính	658.900	337.025	321.875
	<i>Trong đó</i>			
1	Chi giáo dục - đào tạo, dạy nghề	164.401	30.881	133.520
2	Chi khoa học, công nghệ	7.733	5.813	1.920
IV	Chi thực hiện cải cách tiền lương	15.600	⁽³⁾ 15.600	
V	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	100		100
VI	Dự phòng	23.400	10.800	<u>12.600</u>
B	<u>CHI TỪ CÁC KHOẢN THU QUẢN LÝ QUA NSNN</u>	<u>86.801</u>	<u>64.621</u>	<u>22.180</u>
C	<u>CHI TỪ NGUỒN VAY NGOÀI NƯỚC VỀ CHO VAY LẠI</u>	<u>34.430</u>	<u>34.430</u>	
	<u>TỔNG SỐ (A + B + C)</u>	<u>1.099.231</u>	<u>649.376</u>	<u>449.855</u>

Ghi chú:

(1) Đã bao gồm cả số bổ sung có mục tiêu cho NSDP là 62.084 tỷ đồng.

(2) Đã bao gồm cả 131.511 tỷ đồng chi bổ sung cân đối từ NSTW cho NSDP; chưa bao gồm số bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP.

(3) Nhu cầu kinh phí cải cách tiền lương theo mức lương tối thiểu 1,15 triệu đồng/tháng, lương hưu và trợ cấp ưu đãi người có công tăng bằng tốc độ tăng lương tối thiểu là 21.700 tỷ đồng; NSTW bố trí 15.600 tỷ đồng; số còn lại 6.100 tỷ đồng lấy từ nguồn 50% dự toán tăng thu NSDP năm 2013, tiết kiệm 10% chi thường xuyên (đã có trong dự toán chi thường xuyên của NSDP) và nguồn tăng thu NSDP các năm từ 2012 trở về trước.

Phụ lục số 5
CÁC KHOẢN THU, CHI QUẢN LÝ QUA NGÂN SÁCH NĂM 2013

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2013
	<u>TỔNG SỐ</u>	<u>86.801</u>
I	Các khoản thu, chi quản lý qua NSNN	26.801
1	Phí sử dụng đường bộ	4.513
2	Phí đảm bảo an toàn hàng hải	978
3	Thu lệ phí xuất nhập cảnh để sản xuất phát hành hộ chiếu điện tử	530
4	Các loại phí, lệ phí khác và đóng góp xây dựng hạ tầng; thu chi tại xã	3.780
5	Thu xổ số kiến thiết	17.000
II	Chi đầu tư từ nguồn trái phiếu Chính phủ	60.000